

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-4-2025

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền.

Bà Lưu Xông Pha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 747/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thảo H, sinh năm 2005 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thảo H và quá trình tố tụng tại Tòa án chị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh L tự nguyện kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu niềm tin trong cuộc sống đã kéo dài không giải quyết được và tự sống riêng với nhau, do không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung của chị và anh L chưa có nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chị có ý kiến như sau: Khi kết hôn, gia đình anh L có tặng cho 03 chỉ vàng 18k và 06 chỉ vàng 24k, cha mẹ chị đã mượn một phần gồm 03 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k nhưng sau đó đã trả lại cho chị. Trong thời gian vợ chồng không còn ở chung, chị đã bán toàn bộ số nữ trang này để trị bệnh cho chị hiện tại không còn nên chị không chấp nhận chia tài sản theo yêu cầu của anh L. Do điều kiện gia đình nên chị đề nghị vắng mặt.

Ý kiến bị đơn anh Nguyễn Minh L: Anh và chị Lê Thảo H tự nguyện kết hôn vào năm 2023 và đúng, có đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, do không giải quyết được nên anh chấp nhận ly hôn với chị H.

Về con chung của anh và chị H không có nên không đặt ra.

Về tài sản anh yêu cầu như sau: Tài sản khi kết hôn gia đình anh có cho gồm một chiếc lắc 03 chỉ vàng 18k, một chiếc lắc 02 chỉ vàng 24k, một sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k và một nhẫn 01 chỉ vàng 24k, tổng cộng gồm 03 chỉ vàng 18k và 06 chỉ vàng 24k. Phần vàng này trước đây cho cha mẹ chị H mượn 03 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k nhưng sau đó cha mẹ chị H đã trả lại hiện toàn bộ nữ trang do chị H quản lý. Anh L yêu cầu chia hai phần tài sản trên, yêu cầu chị H giao trả lại anh 1,5 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k.

Chị H và anh L đều xác định không có liên quan gì đến cha mẹ của chị H là ông Lê Văn H1 và bà Lê Thị Diệu N đề nghị không đưa ông H1 và bà D tham gia tố tụng. Ngoài ra, còn một số tài sản khác nhưng các bên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Lê Thảo H được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị H và anh L đều xác định không có liên quan gì đến ông Lê Văn H1 và bà Lê Thị Diệu N Tòa án không triệu tập ông H1 và bà D tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chị H có yêu cầu vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thảo H và anh Nguyễn Minh L được xác lập vào năm 2023, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chị H và anh L chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, anh chị không còn sống chung với nhau, thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, phía chị H và anh L đều xác định không thể tiếp tục sống chung và đồng ý ly hôn với nhau. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh L không có con chung nên không đặt ra.

[5] Về tài sản: Khi kết hôn gia đình anh L có tặng cho nữ trang gồm một chiếc lắc 03 chỉ vàng 18k, một chiếc lắc 02 chỉ vàng 24k, một sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k và một nhẫn 01 chỉ vàng 24k, tổng cộng gồm 03 chỉ vàng 18k và 06 chỉ vàng 24k. Đây là tài sản chung của chị H và anh L, khi ly hôn phải được chia hai theo quy định của pháp luật, anh L và chị H mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị = 1,5 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k. Chị H xác định trong thời gian anh chị không còn ở chung chị đã bán toàn bộ số nữ trang nêu trên để trị bệnh cho chị nhưng thực tế chị không đưa ra được bất kỳ chứng từ, hoá đơn hoặc chứng cứ nào khác để chứng minh việc điều trị bệnh nên không thể chấp nhận yêu cầu của chị H. Số nữ trang chị H quản lý nên chị H có trách nhiệm giao lại cho anh L 1,5 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngoài ra, anh chị còn một số tài sản khác nhưng không có yêu cầu nên không giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Chị Lê Thảo H và anh Nguyễn Minh L thuận tình ly hôn trước khi mở phiên toà nên chị H và anh L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (ly hôn) = 75.000 đồng; chị H và anh L được chia tài sản nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tài sản mình được hưởng: 1,5 chỉ vàng 18k (8.020.000 đồng/chỉ) và 03 chỉ vàng 24k (10.500.000 đồng/chỉ) tương đương 43.530.000 đồng $\times 5\% = 2.176.500$ đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị H và anh L đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thảo H và anh Nguyễn Minh L.

Về con chung: Không đặt ra.

Về tài sản: Số nữ trang do gia đình anh L cho trong khi kết hôn tổng số 03 chỉ vàng 18k và 06 chỉ vàng 24k, chị Lê Thảo H và anh Nguyễn Minh L mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị gồm 1,5 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k. Phần tài sản chị H quản lý nên buộc chị H có nghĩa vụ giao cho anh L 1,5 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (ly hôn) chị Lê Thảo H và anh Nguyễn Minh L mỗi người phải chịu 75.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (chia tài sản) chị Lê Thảo H và anh Nguyễn Minh L mỗi người phải chịu 2.176.500 đồng.

Chị Lê Thảo H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005034 ngày 12/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ phần án phí phải chịu, phần còn thiếu chị H phải nộp tiếp.

Anh Nguyễn Minh L đã nộp tạm ứng án phí 1.448.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005132 ngày 16/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ phần án phí phải chịu, phần còn thiếu anh L phải nộp tiếp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải

